

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 18-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn

Ông Đào Văn Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền -Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Xoa- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn KĐ, xã CH, huyện CG, tỉnh HD; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu L (đã chết) và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1963; Có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2011; Tiền án: Bản án số 57/2014/HSST ngày 31/10/2014, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, (trị giá tài sản là 560.000đ). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2016; Nhân thân: Ngày 18/12/2012, Công an huyện Cẩm Giàng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã xóa); Tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ **ngày 12/10/2017**, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Danh Tr, sinh năm 1986 và chị Hà Thị PT, sinh năm 1992.

Đều có nơi cư trú tại: Thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957.

Trú tại: Thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

+ Chị Hà Thị C, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD.

+ Ông Đinh Đồng K, sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn ĐS, thị trấn Th, huyện LT, tỉnh BN.

(Vắng mặt những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/8/2017, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô Nouvo LX màu đỏ đen, BKS 30P9-2218 (là xe của T) đến nhà anh Nguyễn Danh Tr và chị Hà Thị PT (là vợ anh Tr), ở thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD, thấy cửa cổng và cửa nhà không khoá, quan sát xung quanh không có người nên T đã nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản. T mở cổng dựng xe mô tô ở sân rồi mở cửa lách vào trong phòng khách nhà anh Tr. Thấy cánh tủ bên trái không khoá, T mở và lục tìm tài sản, khi lục dưới đáy tủ có chiếc chặn bông màu vàng đã cũ, buộc bằng sợi dây dù màu đỏ, T tháo sợi dây, nhắc chặn lên thì thấy trong chặn có chiếc túi nylon màu đen. T kiểm tra bên trong có tiền nên đã cất túi nylon trong túi quần và để chặn lại như cũ rồi đi xe mô tô đến cổng Cáp, ở thôn Phụng Hoàng, kiểm tra trong túi nylon có 6.000.000đ gồm các mệnh giá từ 50.000đ, 100.000đ, 200.000đ, 500.000đ, T cầm tiền rồi rút túi nylon xuống cổng Cáp. Đến chiều ngày 26/8/2017, T đến quán điện tử của ông Đinh Đồng K ở thôn ĐS, thị trấn Th, huyện LT, tỉnh BN mua thẻ chơi game hết số tiền 6.000.000đ.

Ngày 26/8/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng đã quản lý 01 xe mô tô Nouvo Lx màu đỏ đen, BKS 30P9-2218 và 2.000.000đ do Nguyễn Hữu T tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại trình bày trong giai đoạn điều tra, truy tố xác định bị mất số tiền 21.000.000đ, nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh số tiền này. Tại phiên tòa, người bị hại nhất trí xác định số tiền bị cáo trộm cắp là 6.000.000đ, bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ, yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 4.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 01/VKS-HS ngày 25-12-2017, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS) năm 1999.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo

Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS năm 1999; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/10/2017; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải bồi thường cho anh Nguyễn Danh Tr và chị Hà Thị PT số tiền 4.000.000đ. Hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, VKSND huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cơ bản phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: “Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/8/2017, tại nhà anh Nguyễn Danh Tr và chị Hà Thị PT, ở thôn PH, xã CH, huyện CG, tỉnh HD, Nguyễn Hữu T đã lợi dụng gia đình anh Tr không khoá cửa nhà, không có người ở nhà đã lén lút vào trong nhà trộm cắp 6.000.000đ trong tủ quần áo của anh Tr và chị PT”. Mặc dù người bị hại trình bày bị mất số tiền 21.000.000đ, nhưng không đưa ra căn cứ xác định số tiền trên, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, chỉ đủ căn cứ xác định bị cáo trộm cắp 6.000.000đ. Tại phiên tòa, những người bị hại nhất trí việc xác định số tiền bị cáo trộm cắp như tại cáo trạng, nên chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 4.000.000đ.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do cần tiền để tiêu xài, lại lười lao động nên bị cáo vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.000.000đ, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự, an ninh tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có tiền án, nhân thân xấu.

Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án tại bản án số 57/2014/HSST ngày 31/10/2014, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp “Tái phạm”, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Danh Tr và chị Hà Thị PT xác định bị mất số tiền 21.000.000đ, bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định bị cáo trộm cắp số tiền trên, tại phiên tòa, người bị hại xác định lại số tiền bị mất là 6.000.000đ nên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000đ. Xét yêu cầu bồi thường của người bị hại là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại 6.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ, buộc bị cáo bồi thường tiếp số tiền 4.000.000đ.

[8] Về vật chứng trong vụ án: Đối với xe mô tô Nouvo Lx BKS 30P9-2218, T dùng làm phương tiện trộm cắp, T khai mua xe ở cửa hàng mua bán xe máy trên thành phố Hà Nội đầu năm 2017 (không rõ địa chỉ). Quá trình điều tra xác định xe mô tô Nouvo Lx có số khung RLCN5P110AY200135, số máy 5P11-200136 mang tên chủ xe là anh Lê Văn Tn, sinh năm 1969, ở thôn TN, xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng, anh Tn bị mất xe năm 2014. Chiếc BKS 30P9-2218, là biển số gắn với xe mô tô HONDA Airbleda, số khung 505345, số máy 0524367 của anh Nguyễn Đức Tn1, sinh năm 1984, ở tổ 18, phường GB, quận LB, thành phố Hà Nội, anh Tn1 bị mất xe mô tô năm 2011. Ngày 01/12/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh Lê Văn Tn và trả lại BKS 30P9-2218 cho anh Nguyễn Đức Tn1, nên không phải xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội và có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí sơ thẩm dân sự theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải bồi thường cho anh Nguyễn Danh Tr và chị Hà Thị PT số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Yến